

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 211/2024/DS-PT

Ngày: 13-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thùy Trang;

Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thư Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 29-02-2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S – Giám đốc Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh T5.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro.

Nơi cư trú: Số D L, khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964.

2.2. Bà Trần Thị Huệ T, sinh năm 1964.

Cùng nơi cư trú: Ô khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

3.1. Bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: 606/20/31 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Phạm Thị Kim D1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Bà Trần Mai T2, sinh năm 1967; có mặt.

4.2. Ông Trương Văn T3, sinh năm 1963; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Khu phố B, nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. *Người kháng cáo:* Bà Mai Thị T4 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Huệ T có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng TMCP S1 cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 202126473591 ngày vay 21/12/2021, ngày đáo hạn: 21/12/2031, số tiền: 800.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: tiêu dùng trang thiết bị gia đình. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202112171848562 ngày 21/12/2021, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất gồm:

1/Giấy CNQSDĐ & QSHNO và TSGLVĐ số: CH00082 ngày 17/04/2013 do UBND Huyện G cấp cho bà Trần Thị Huệ T có diện tích: 44,5 m², thửa đất: 137, tờ bản đồ số: 33.

2/Giấy CNQSDĐ & QSHNO và TSGLVĐ số: CH00051 ngày 05/04/2013 do UBND Huyện G cấp cho bà Trần Thị Huệ T có diện tích: 103,8 m². thửa đất: 126, tờ bản đồ số: 33.

Lúc cho vay thì ngân hàng có đi thẩm định, kết quả không có ai ngoài ông C, bà T ở trên đất hết. Đến ngày 21/04/2023 do ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Từ khi vay ông C, bà T có trả cho ngân hàng được 130.005.000 đồng tiền gốc và 115.757.620 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 29.02.2024 ông C, bà T còn thiếu 797.892.099 đồng, bao gồm 669.995.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 91.781.052 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 6.116.047 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông C, bà T phải trả tổng số tiền còn thiếu là 797.892.099 đồng. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T không trả được nợ, thì yêu cầu cho xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-01-2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Phạm Thị Thúy A trình bày: Việc ông C, bà T có vay tiền Ngân

hàng TMCP S1 và hiện nay còn thiếu số tiền theo như yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là đúng. Ông C, bà T đồng ý trả số tiền này nhưng không có tiền để trả nên đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ. Đồng ý tiếp tục trả lãi theo như hợp đồng đã ký kết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2023, bà Trần Mai T2 và ông Trương Văn T3 trình bày: Bà T2 là em ruột của bà T. Bà T2 với ông T3 là vợ chồng, hiện nay vợ chồng bà đang ở trên phần đất mà ông C, bà T đã thế chấp cho ngân hàng để vay tiền. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì bà T2 với ông T3 không đồng ý xử lý tài sản này để trả nợ cho ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 29-02-2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, quyết định.

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền 797.892.099 đồng, bao gồm 669.995.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 91.781.052 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 6.116.047 đồng. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/3/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 202126473591 ngày 21/12/2021 cho đến khi ông C, bà T thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông C, bà T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa 126, 137 tờ bản đồ số 33, địa chỉ: khu phố B, nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202112171848562 ngày 21/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C1 được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tiếp tục chịu lãi, án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28-3-2024, bà Trần Mai T2 có đơn kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận sử dụng tài sản thế chấp để xử lý nợ cho vợ chồng bà T, ông C.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 29-02-2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bản án sơ thẩm có sai sót về số liệu, đề nghị điều chỉnh số liệu sai sót về tiền nợ gốc phải trả từ 669.995.000 đồng thành 699.995.000 đồng. Đồng thời bổ sung tuyên về điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, cụ thể *“Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29-02-2024, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 22-3-2024, bà T2 nhận được bản án. Ngày 28-3-2024, bà Trần Mai T2 có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà T2 còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Mai T2 thấy rằng:

[2.1] Ngày 21-12-2021, Ngân hàng TMCP S1 và ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T có ký Hợp đồng tín dụng số: 202126473591, ngày đáo hạn: 21/12/2031, số tiền: 800.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Tiêu dùng trang thiết bị gia đình. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202112171848562 ngày 21/12/2021, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất gồm: Giấy CNQSDĐ & QSHNO và TSGLVĐ số: CH00082 ngày 17/04/2013, do UBND Huyện G cấp cho bà Trần Thị Huệ T có diện tích: 44,5 m², thửa đất: 137, tờ bản đồ số: 33 và Giấy CNQSDĐ & QSHNO và TSGLVĐ số: CH00051 ngày 05/04/2013, do UBND Huyện G cấp cho bà Trần Thị Huệ T có diện tích: 103,8 m². thửa đất: 126, tờ bản đồ số: 33. Đến ngày 21/04/2023, do ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Từ khi vay ông C, bà T có trả cho Ngân hàng được 130.005.000 đồng tiền gốc và 115.757.620 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 29/02/2024, ông C, bà T còn thiếu 797.892.099 đồng, bao gồm 699.995.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 91.781.052 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 6.116.047 đồng.

[2.2] Ông C, bà T thống nhất nội dung vay tiền tiền như Ngân hàng cung cấp đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ. Đồng ý tiếp tục trả lãi theo như hợp đồng đã ký kết.

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 202112171848562 ngày 21/12/2021 nhằm đảm bảo khoản vay 800.000.000 đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa 126 diện tích 103,8 m², và thửa 137 diện tích 44,5 m² bản đồ số 33, đất tọa lạc tại Khu phố B, nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Đ (bút lục 08,09,10,11) nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực theo Điều 319 của Bộ luật Dân sự. Theo Điều 3 của Hợp đồng thế chấp tài sản quy định bên vay là ông C, bà T không thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền 797.892.099 đồng, bao gồm 699.995.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 91.781.052 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 6.116.047 đồng. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/3/2024, trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 202126473591 ngày 21/12/2021, cho đến khi ông C, bà T thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông C, bà T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 103,8 m² thửa 126, và diện tích 44,5 m² thửa 137 tờ bản đồ số 33, địa chỉ: khu phố B, nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202112171848562 ngày 21/12/2021, được xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ. Bà T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên bản án sơ thẩm có ghi sai về số liệu về tiền nợ gốc 699.995.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm ghi là 669.995.000 đồng nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác.

[4] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà T2. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T2 kháng cáo không được chấp nhận nên bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Mai T2.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số số 17/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền 797.892.099 đồng, bao gồm 699.995.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 91.781.052 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt 6.116.047 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/3/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 202126473591 ngày 21/12/2021 cho đến khi ông C, bà T thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Trường hợp ông C, bà T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 103,8 m² thửa 126, và diện tích 44,5 m² thửa 137, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: khu phố B, nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 202112171848562 ngày 21/12/2021, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Đ được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Mai T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng theo biên lai thu số 10013805 ngày 02-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Huệ T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng Vân